TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 131/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 149, Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 06/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà N.T.N.A, sinh năm 1989, CCCD số 075xxxxxxx02

Địa chỉ thường trú: Ấp Đ, xã X, tỉnh N.

Địa chỉ liên lạc: 401 Lô A1, Chung cư 1A-1B đường C, khu phố F, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông B.D.C, sinh năm 1992, CCCD số 079xxxxxxx28

Địa chỉ: Xóm Đồng, xã K, tỉnh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Bà N.T.N.A và ông B.D.C tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy đăng ký kết hôn số 39, Quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện X, tỉnh N (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh N) cấp ngày 20 tháng 8 năm 2012.

[2]. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 06 tháng 02 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà N.T.N.A và ông B.D.C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Các bên thống nhất giao con chung là trẻ B.M.K (sinh ngày 02/5/2013) cho bà N.T.N.A trực tiếp nuôi. Việc cấp dưỡng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông B.D.C được quyền thăm nom con và phải có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Giấy đăng ký kết hôn số 39, Quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện X, tỉnh N (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh N) cấp ngày 20 tháng 8 năm 2012 không còn hiệu lực.

3. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí yêu cầu việc dân sự là 300.000 đồng, bà N.T.N.A và ông B.D.C chịu nhưng được trừ đi 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai số 0000525 ngày 05/01/2026 của Thi hành án dân sự, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N.T.N.A và ông B.D.C đã nộp đủ lệ phí.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – TP.HCM;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – TP.HCM;
- UBND xã Xuân Định, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trương Phú Oanh

TAND KHU VỰC 1

HMA230226.TL.QDBA
9118